

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY

Số: 92/2025/DNNK-SVIBM

Chứng nhận sản phẩm:

GẠCH GÓM ÓP LÁT

Kiểu loại: Chi tiết tại phụ lục đính kèm

Đơn vị sản xuất:

PT. SUN POWER CERAMICS

Address: Kawasan Ngoro Industrial Persada Block R-2A, Mojokerto, East Java, Indonesia.

Đơn vị nhập khẩu:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường Đức Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phù hợp với QCVN 16:2023/BXD - Nhóm sản phẩm vật liệu ốp lát

Công ty được phép sử dụng dấu hợp quy



Phương thức đánh giá:

Phương thức 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012;

Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017

và Thông tư số 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024

Giấy chứng nhận và dấu hợp quy có giá trị sử dụng kể từ 08/08/2025 đến hết 07/08/2028

TRƯỞNG VĂN PHÒNG

Tp.HCM, ngày 08 tháng 08 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC PHÂN VIỆN



PHỤ LỤC / APPENDIX

DANH SÁCH SẢN PHẨM GẠCH CERAMIC CERAMIC TILES LIST

Đơn vị nhập khẩu/ *Importer:*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT.
VIET CERAMICS INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 92/2025/DNNK-SVIBM ngày 08/08/2025 của Phân Viện Vật liệu xây dựng Miền Nam/ *According to Certificate No 92/2025/ DNNK-SVIBM dated August 08, 2025*)

STT No.	Tên sản phẩm Product's name	Nhóm Group	Đặc tính bề mặt Surface Properties	Mã sản phẩm Code	Kích thước Dimension (mm)
1	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	Bla	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	GS 66032	600 x 600 x 9,0
2				GS 66031	600 x 600 x 9,0
3				GS 66033	600 x 600 x 9,0
4				SS 1261305	600 x 1200 x 9,0
5				SS 1261309	600 x 1200 x 9,0
6				SS 1261313	600 x 1200 x 9,0
7				SS 1261306	600 x 1200 x 9,0
8				SS 1261312	600 x 1200 x 9,0
9				MC 1221030	198 x 1200 x 9,0
10				MC 1221029	198 x 1200 x 9,0
11				MC 1221028	198 x 1200 x 9,0

12	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	Bla	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	MC 1221022	198 x 1200 x 9,0
13				MC 1221021	198 x 1200 x 9,0
14				MC 1221013	198 x 1200 x 9,0
15				MC 1221015	198 x 1200 x 9,0
16				MC 1223002	198 x 1200 x 9,0
17				MC 1221010	198 x 1200 x 9,0
18				MC 1221011	198 x 1200 x 9,0
19				MC 1221012	198 x 1200 x 9,0
20				MC 1221009	198 x 1200 x 9,0
21				MC 1223001	198 x 1200 x 9,0
22				MC 1221038	198 x 1200 x 9,0
23				MC 1221037	198 x 1200 x 9,0
24				MC 1221035	198 x 1200 x 9,0
25				MC 1221036	198 x 1200 x 9,0
26				MC 1221002	198 x 1200 x 9,0
27				MC 1221006	198 x 1200 x 9,0
28				MC 1221001	198 x 1200 x 9,0
29				M 36140	298 x 600 x 9,0
30				M 36112	298 x 600 x 9,0
31				M 36225	298 x 600 x 9,0

32	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	Bla	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	M 36310	298 x 600 x 9,0
33				MC 362161	298 x 600 x 9,0
34				MC 364317	298 x 600 x 9,0
35				M 66140	600 x 600 x 9,0
36				M 66112	600 x 600 x 9,0
37				M 66310	600 x 600 x 9,0
38				GS 66145	600 x 600 x 9,0
39				M 66120	600 x 600 x 9,0
40				M 66149	600 x 600 x 9,0
41				M 66312	600 x 600 x 9,0
42				M 1261140	600 x 1200 x 9,0
43				M 1261112	600 x 1200 x 9,0
44				M 1262225	600 x 1200 x 9,0
45				M 1263310	600 x 1200 x 9,0
46				M 126120	600 x 1200 x 9,0
47				M 1263312	600 x 1200 x 9,0
48				M 126149	600 x 1200 x 9,0
49				M 126131	600 x 1200 x 9,0
50				M 126132	600 x 1200 x 9,0
51				GS 1263313	600 x 1200 x 9,0

52	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	Bla	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	GS 1261212	600 x 1200 x 9,0
53				GS 1261213	600 x 1200 x 9,0
54				GS 1261216	600 x 1200 x 9,0
55				MC 1263346	600 x 1200 x 9,0
56				MC 881013	800 x 800 x 9,0
57				MC 883003	800 x 800 x 9,0
58				MC 881015	800 x 800 x 9,0
59				GS 880003	800 x 800 x 9,0
60				GS 880005	800 x 800 x 9,0
61				GS 881007	800 x 800 x 9,0
62				GS 881032	800 x 800 x 9,0
63				GS 881029	800 x 800 x 9,0
64				M 36158	298 x 600 x 9,0

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2025

PHÂN VIỆN VLXD MIỀN NAM



THỦ GIÁM ĐỐC
Ths. Nguyễn Hữu Tài